

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2026

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Nhã và ông Ngô Mậu Hiệu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Trinh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2026/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L (Lê Thanh L), sinh năm 1986;

Số căn cước công dân: 044186011476, cấp ngày 28/02/2026;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Phi B, sinh năm 1979;

Số căn cước công dân: 044079008641;

Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Hiện cư trú và làm việc tại: Đài Loan không có địa chỉ cụ thể; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/6/2026, được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Võ Phi B tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2005 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị). Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, cùng nhau làm ăn, chăm lo xây dựng gia đình. Đến năm 2019, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh Võ Phi B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; vì bận rộn, áp lực công việc nên vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn; hai người thường xuyên gây gổ, cãi vã, không có tiếng nói chung để vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù, hai bên đã rất cố gắng hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện. Anh, chị sống ly thân 03 năm nay, không quan tâm và ít liên lạc với nhau. Hiện nay, chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Phi B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung tên là Võ Phi Nhật H, sinh ngày 15/01/2006, Võ Thị Tường V, sinh ngày 16/4/2010 và Võ Diệp C, sinh ngày 26/4/2018. Hiện nay, con Võ Phi Nhật H đã đủ tuổi trưởng thành; sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Võ Thị Tường V và Võ Diệp C, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng/hai con cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2026, đã được chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc, anh Võ Phi B trình bày: Anh và chị Lê Thị L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2005 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống tại thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu, vợ chồng anh sống đầm ấm, hạnh phúc, thời gian sau đó do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2019 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, do công việc bận rộn cũng như bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm liên lạc gì với nhau nữa và đã sống ly thân hơn 3 năm nay, mỗi người sống một nơi. Xét thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung tên là Võ Phi Nhật H, sinh ngày 15/01/2006, Võ Thị Tường V, sinh ngày 16/4/2010 và Võ Diệp C, sinh ngày 26/4/2018. Hiện nay, các con đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng giao cả 3 con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng cho cả 3 con cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2026, bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh B) trình bày: Thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông, gia đình bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án ly hôn số 173/TB-TLVA ngày 12/6/2026 của Tòa án về việc ly hôn giữa con trai bà là Võ Phi Bằng với chị Lê Thị Luỹ. Gia đình bà có ý kiến như sau: Võ Phi B hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Qua trao đổi và liên lạc bằng điện thoại với B, bà biết được B có làm đơn gửi về Tòa án xin ly hôn với B. Theo trình bày của B, thì hiện tại do vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm

nhau nên L muốn ly hôn để mỗi người có cơ hội tìm cuộc sống mới, ổn định và hạnh phúc hơn, B cũng đã có bản tự khai có chứng thực chữ ký tại đại sứ quán Việt Nam ở Đài Loan đồng ý ly hôn và cũng đồng ý để L ở nhà trực tiếp nuôi con, còn Bằng sẽ cấp dưỡng cho các con. Việc ly hôn của B - L do vợ chồng tự quyết định, bà không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng B - L trong thời kì hôn nhân có 03 cháu: Võ Phi Nhật H sinh ngày: 15/01/2006; Võ Thị Tường V, sinh ngày: 16/04/2010, Võ Diệp C, sinh ngày: 26/04/2018. Hiện tại, các cháu đang sống cùng L. Qua điện thoại liên lạc với B cũng đồng ý để 03 cháu được ở cùng L khi ly hôn, bà bây giờ già yếu, B đi làm ăn xa nên thấy hai vợ chồng B - L có nguyện vọng thỏa thuận vấn đề con cái như vậy là chính đáng, hợp tình hợp lý. Gia đình bà sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho Võ Phi B biết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 68, 93, 95, 97, 98, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220, 228, 147, 238, 469, 474, 476, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Võ Phi B. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao 02 con chung là Võ Thị Tường V, sinh ngày 16/4/2010 và Võ Diệp Ch, sinh ngày 26/4/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng cho cả 2 con cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi); còn con Võ Phi Nhật H, sinh ngày 15/01/2006 đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Phi B, nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị. Hiện cư trú và làm việc tại Đài Loan và giải quyết về việc nuôi con. Vì vậy, quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài liệu, chứng cứ của bị đơn anh Võ Phi B gửi về từ nước ngoài có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc. Vì vậy, xác định vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Võ Phi B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có bản tự khai và cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Toà án. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Võ Phi B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của chị, anh là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận; đến năm 2019, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh Võ Phi B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, đến 3 năm gần đây giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do sống xa nhau, mỗi người một nơi, không tin tưởng nhau nên thường xuyên gây gổ, cãi vã, không ai quan tâm ai. Cả anh B và chị L đều xác định, vợ chồng không còn tình cảm, hai người sống ly thân hơn 03 năm nay, không liên lạc với nhau, chị L xin ly hôn anh B hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Võ Phi B là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị L và anh Võ Phi B thống nhất, vợ chồng có 03 con chung là Võ Phi Nhật H, sinh ngày 15/01/2006, Võ Thị Tường V, sinh ngày 16/4/2010 và Võ Diệp C, sinh ngày 26/4/2018. Hiện các con đang sống với chị L. Anh B đồng ý giao 03 con Võ Phi Nhật H, Võ Thị Tường V và Võ Diệp C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B tự nguyện cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho 3 con. Tuy nhiên, con Võ Phi Nhật H đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy, thoả thuận của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Võ Phi B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L và anh Võ Phi B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228, 238, 469, 271, 273, 474, 476, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các điều 51, 55, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Võ Phi B.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử công nhận sự thoả thuận giữa chị Lê Thị L và anh Võ Phi B: Giao hai cháu Võ Thị Tường Vi, sinh ngày 16/4/2010 và Võ Diệp C, sinh ngày 26/4/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B tự nguyện cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho hai con, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị L và anh Võ Phi B mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh Võ Phi B phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; chị L thoả thuận chịu thay án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh B. Số tiền án phí chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002736 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; anh Võ Phi B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THDDS khu vực 4;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Trường Ninh;
- Công an xã Trường Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn